TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-01-2022
V/v: Ly hôn giữa
chị N và anh A

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đắc Nghị

2. Bà Trần Thị Thủy

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2021/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993; có mặt.

Đăng ký HKTT: Thôn N, xã L, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã C, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

- *Bị đơn:* Anh Lương Tuấn A, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

(Anh A có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08-10-2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lương Tuấn A do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã L vào tháng 10-2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến đầu năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh A không chịu làm ăn, không chăm lo cho vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng

và sống ly thân từ tháng 5-2018 đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh A.

Về nuôi con chung: Chị và anh A có 01 con chung là Lương Thiện A, sinh ngày 02-3-2016, hiện con chung đang do anh A nuôi dưỡng. Chị nhường anh A tiếp tục nuôi con. Anh A tự nguyện nuôi con hoàn toàn, không yêu cầu chị góp cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 17-11-2021, bị đơn anh Lương Tuấn A trình bày:

Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị N do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào tháng 10-2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống hòa thuận được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, không bảo ban được nhau trong cuộc sống, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 5-2018 đến nay. Anh xác định tình cảm giữa anh và chị N không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh và chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Lương Thiện A, sinh ngày 02-3-2016. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu A, không yêu cầu chị N góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh A đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc tại Tòa án và phiên tòa xét xử vì lý do công việc làm ăn bận, không được nghỉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với anh Lương Tuấn A. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Anh A đăng ký hộ khẩu tại Thôn N, xã L, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh A xin vắng mặt tại các buổi làm việc và xin

vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh A theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Lương Tuấn A kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào ngày 18-10-2015, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận được gần 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng tính tình không hợp, đã sống ly thân nhau từ tháng 5-2018 đến nay. Nay chị N, anh A đều xác định tình cảm không còn, đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn. Hội đồng xét xử thấy: Chị N, anh A mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị N và anh A ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị N, anh A có 01 con chung là Lương Thiện A, sinh ngày 02-3-2016. Từ khi vợ chồng sống ly thân, anh A là người trực tiếp nuôi con chung. Anh A đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi con, không yêu cầu chị N góp cấp dưỡng nuôi con. Chị N cũng đồng ý với ý kiến của anh A. Đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[4] Về chia tài sản: Chị N, anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lương Tuấn A.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh A trực tiếp nuôi con chung là Lương Thiện A, sinh ngày 02-3-2016, Chị N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh A. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Chị N, anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003437 ngày 20-10-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà (Chị N đã nộp đủ).

5. Chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã L, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên